

NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10

HỌC KỲ I, NĂM HỌC: 2021-2022 (06/12-11/12)

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 14	<i>Độc Tiểu Thanh kí</i>	Xem nội dung bên dưới SGK
	Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	Xem nội dung bên dưới SGK

ĐỘC TIỂU THANH KÍ

NGUYỄN DU

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, là nhà thơ hiện thực và nhân đạo lớn nhất trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Thơ ông thể hiện một niềm yêu thương, đồng cảm sâu sắc với thân phận con người, đặc biệt là người phụ nữ, nạn nhân của chế độ phong kiến. Không chỉ có thân phận nàng Kiều từng khiến Nguyễn Du đau đớn, xót xa, mà ta còn biết đến nàng Tiểu Thanh trong *Độc Tiểu Thanh kí*, một sáng tác bằng chữ Hán trong “*Thanh Hiên thi tập*” cũng đã thể hiện sự đồng cảm sâu sắc của Nguyễn Du đối với thân phận con người tài hoa bạc mệnh.

II. PHÂN TÍCH BÀI THƠ

* Ý nghĩa nhan đề: “Độc Tiểu Thanh ký” có nghĩa là “đọc tập Tiểu Thanh ký” của nàng Tiểu Thanh, hoặc cũng có thể hiểu là Nguyễn Du viếng nàng Tiểu Thanh qua một tập truyện viết về nàng. Đó là người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng các sáng tác của nàng bị đốt dở, thân phận nàng hẩm hiu, đã để lại niềm thương cảm sâu sắc cho Nguyễn Du.

* Cảm hứng xuyên suốt toàn bài được diễn tả trong khuôn khổ cô đúc của thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Nguyễn Du khóc người và tự thương mình. Dù là cảm xúc về một cuộc đời bất hạnh đã cách ba trăm năm, nhưng thực chất cũng là tâm sự của nhà thơ trước thời cuộc.

- Hai câu thơ đầu mở ra bài thơ với một sự kiện cụ thể:

“*Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang*”

Thôn thức bên song mảnh giấy tàn”

Tác giả hình dung quang cảnh hoang phế của Tây Hồ, nơi đã diễn ra cuộc đời buồn tủi của nàng Tiểu Thanh, hình dung những mảnh giấy còn sót lại của nàng Tiểu Thanh, từ đó mà cảm xúc trào dâng. Từ sự tương phản, vườn hoa thành bãi hoang phế, khung cảnh thiên nhiên Tây Hồ cũng gợi lên nhiều liên tưởng. Đó là sự biến đổi khôn lường của cuộc đời dâu bể, và phải chăng cũng là số phận mong manh của những kiếp hồng nhan. Dường như có một mối tương đồng tạo thành mối liên tài, liên tình trong tâm tưởng nhà thơ, ông một mình khóc thương người qua bên song cửa sổ chỉ còn trước mắt vài trang giấy mỏng. Nguyễn Du đang hình dung đến sự thôn thức của nàng Tiểu Thanh về duyên phận hẩm hiu của mình, hay cũng chính nhà thơ đang thôn thức, xót xa cùng cuộc đời đau khổ của nàng?

- Đến hai câu thực, bài thơ lại mở ra những suy nghĩ, liên tưởng được khơi gợi từ cảnh và vật:

“Son phấn có thân chôn vãn hận

Văn chương không mệnh đót còn vương”

“Son phấn” và “văn chương” là hình ảnh chỉ sắc đẹp và tài năng của nàng Tiểu Thanh. Con người với số phận bất hạnh, sắc đẹp và tài năng cũng bị chôn vùi theo. Nhưng tất cả vẫn còn vương sót, vẫn để lại niềm thương tiếc, xót xa cho người đời sau. Hai câu thơ thể hiện niềm cảm thương của Nguyễn Du với thân phận bị đày đoạ, bị vùi dập tàn nhẫn của con người tài sắc. Nhà thơ đã rất mực trân trọng nhan sắc và tài hoa của nàng Tiểu Thanh, cũng như con người tài sắc nói chung.

- Từ sự đồng cảm, xót thương cho thân phận nàng Tiểu Thanh, đến hai câu luận, tác giả bộc lộ niềm cảm thương sâu sắc cho những kiếp người tài hoa.

“Nỗi hơn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang”

Ý thơ mang tính khái quát, nâng vấn đề, liên hệ đến sự tương đồng giữa thân phận của bản thân tác giả với thân phận nàng Tiểu Thanh cùng với những người đang mang cái án “phong lưu” khác. Nguyễn Du cho rằng có một thông lệ, một định lệ là trời đã bất công với những con người tài sắc, bởi họ thường nhận lấy số phận bạc bẽo. Đó chính là một nghịch lý đau đớn, là mối hận muôn đời của người xưa và người nay, không thể hỏi trời vì không bao giờ có câu trả lời. Đó là sự bế tắc không thể lý giải nổi. Chữ “ngã” trong câu thơ “Phong vận kì oan ngã tự cư” vừa là niềm đồng cảm với những người cùng hội, cùng thuyền là những kiếp người tài hoa, vừa khẳng định chính phẩm chất cao quý, sự ý thức về tài năng của Nguyễn Du.

- Đến hai câu kết, nhà thơ bộc lộ một niềm khắc khoải hướng về hậu thế:

“Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng”

300 năm con số nghệ thuật chỉ khoảng cách giữ Tiểu Thanh và NĐu, giữa NĐu và hậu thế. Nhà thơ kiếm tìm một sự đồng cảm từ hậu thế. Câu thơ chứa đựng cả niềm hi vọng vượt qua thời gian đàng đẵng, không gian vời vợi, băng qua cả cái chết để kiếm tìm dấu chỉ là một tâm hồn đồng điệu. Niềm mong ước và hi vọng ấy đâu chỉ cho riêng mình Tố Như mà cho hậu thế và cho cuộc đời này không bao giờ hết những giọt lệ thương vay nồng ấm tình người.

III. TỔNG KẾT

Với tính cô đọng, hàm súc về ngôn từ và sử dụng hình ảnh có giá trị biểu cảm cao, bài thơ của Nguyễn Du vẫn còn lưu giữ một tấm lòng sâu sắc và chân thành đối với một con người và những kiếp người. Đó là tình cảm không biên giới, vượt thời gian, xuất phát từ gốc rễ “thương người như thể thương thân” của dân tộc.

Qua bài thơ, Nguyễn Du đã đặt ra vấn đề về quyền sống của những người nghệ sĩ, những văn nghệ sĩ. Ông đã thấy ý nghĩa xã hội của người nghệ sĩ, người cống hiến cho cuộc đời những giá trị tinh thần tốt đẹp. Bày tỏ sự đồng cảm với họ là một dấu hiệu tiến bộ trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du. Những chủ nhân của các giá trị văn hóa tinh thần cần được sự yêu thương, trân trọng và đồng cảm của người đời. Thương cảm cho họ là một cách Nguyễn Du bày tỏ sự trân trọng của mình đối với những người nghệ sĩ. Bài thơ vì thế có giá trị nhân đạo sâu sắc

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT

I. NGÔN NGỮ SINH HOẠT

1. Khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt

Ngôn ngữ sinh hoạt là lời ăn tiếng nói hàng ngày, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm, đáp ứng nhu cầu giao tiếp giữa mọi người.

2. Các dạng biểu hiện

- Dạng nói: đối thoại, độc thoại
- Dạng viết: thư từ, nhật ký, tin nhắn...

II. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT

1. Tính cụ thể

Cụ thể về hoàn cảnh, về con người, về cách nói năng, từ ngữ diễn đạt.

2. Tính cảm xúc

Biểu hiện qua:

- Thái độ, giọng điệu
- Từ ngữ có tính khẩu ngữ
- Kiểu câu cảm thán, cầu khiến

3. Tính cá thể

Mỗi người có vốn từ riêng, giọng nói riêng, thói quen dùng những từ nhất định.

III. LUYỆN TẬP

BT1.

a) – Tính cụ thể: Từ ngữ thời gian, từ ngữ nói về sự việc, suy nghĩ của bản thân

- Tính cảm xúc: lời cảm thán
- Tính cá thể: dùng tên riêng, dùng những từ ngữ về công việc cá nhân.

b) Viết nhật ký rèn luyện cho bản thân năng lực sử dụng ngôn ngữ viết, chọn tình tiết, tạo câu...

BT2.

Dấu hiệu của PCNNSH

- Lời đối đáp: *ta – mình, anh – cô*
- Hình ảnh cụ thể: *hàm răng, yếm thắm*
- Từ ngữ cảm xúc: *nhớ, với anh*